



tán

潭

deep pool; pond

Common Words

ní tán

泥潭

quagmire / mire

hǔ xué lóng tán

虎穴龙潭

an extremely dangerous place or situ...

lóng tán hǔ kū

龙潭虎窟

an extremely dangerous place or situ...

Trace each stroke, then write the character on your own.

潭	潭	潭	潭	潭	潭	潭	潭	潭	潭	潭
潭	潭	潭	潭	潭	潭	潭				